

Số: 76 /BC-THNN

Núa Ngam, ngày 9 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 – 2026

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Núa Ngam

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Pá Ngam 2 xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0888592566
- Địa chỉ thư điện tử: thnuangam@gmail.com
- Trang thông tin điện tử: <https://thnuangam.huyendienbien.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên tốt.

4.2. Tầm nhìn:

Trường Tiểu học Núa Ngam là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%.

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Núa Ngam được thành lập ngày 24 tháng 7 năm 2004 theo Quyết định số 663/QĐ-UB-TC của UBND tỉnh Lai Châu. Trường được thành lập trên cơ sở chia tách các bậc học từ trường Phổ thông cơ sở Núa Ngam (Khi mới thành lập trường có tên là trường TH số 1 xã Núa Ngam; đến tháng 10 năm 2013 do việc chia tách địa giới hành chính xã nên trường được đổi tên thành trường TH xã Núa Ngam). Đến ngày 09 tháng 9 năm 2025 đổi thành trường TH Núa Ngam, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 143/QĐ-UBND của UBND xã Núa Ngam

Hiện nay trường Tiểu học Núa Ngam gồm 01 điểm trường trung tâm và 03 điểm trường lẻ cách trung tâm xã từ 6km đến 8km. Có đủ các phòng học, các phòng chức năng, diện tích sân chơi, bãi tập. Các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong những năm học gần đây, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo, kêu gọi sự ủng hộ của doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn xã, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tu sửa, tôn tạo cảnh quan trường lớp thêm khang trang, sạch đẹp.

Cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là công tác giáo dục mũi nhọn.

Trong những năm qua nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong huyện, là địa chỉ đáng tin cậy về chất lượng giáo dục. Năm 2010 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Tập thể nhà trường nhiều năm được UBND tỉnh công nhận tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2021 – 2022; 2023-2024 được Bằng khen của UBND tỉnh. Năm học 2025 -2026 đạt tập thể Lao động xuất sắc. Công đoàn đạt công đoàn cơ sở vững mạnh, năm học 2016 – 2017 được Liên đoàn lao động tỉnh tặng bằng khen. Nhiều năm Chi bộ nhà trường đạt “Chi bộ trong sạch vững mạnh” được Đảng ủy xã Núa Ngam tặng giấy khen. Nhiều thế hệ học sinh nay đã là những cán bộ giỏi. Đó cũng là nguồn động viên cổ vũ tiếp sức cho các thầy cô trong nhà trường nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành quả trong công tác chuyên môn. Đã có nhiều thầy cô đạt giải trong các hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng luôn được phụ huynh học sinh tin yêu, đặt trọn niềm tin.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Bùi Thị Thu Hằng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học Núa Ngam, xã Núa Ngam, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0814592222
- Gmail: Hang0578@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Trường được thành lập theo Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Núa Ngam.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

QĐ số 3759/QĐ-UBND, ngày 25/11/2022 của UBND huyện Điện Biên về việc Kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học xã Núa Ngam nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bùi Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng	
2.	Nguyễn Thị Phương	Phó hiệu trưởng	
3.	Lò Văn Hải	Phó chủ tịch UBND xã	
4.	Đỗ Thị Duyên	Chủ tịch Công Đoàn	
5.	Đặng Văn Thái	Giáo viên	
6.	Lò Thị Phụng	Giáo viên	
7.	Nguyễn Thị Dung	Giáo viên	
8.	Mai Thị Thìn	Giáo viên	
9.	Vì Thị Pọm	Đại diện hội phụ huynh HS	
10.	Nguyễn Thị Thương	Tổ trưởng tổ văn phòng	
11.	Lê Thị Hương	Bí thư Đoàn TNCS HCM	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 186/QĐ – UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Núa Ngam thuộc UBND xã Núa Ngam.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 196/QĐ – UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Núa Ngam thuộc UBND xã Núa Ngam.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên.
- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 30 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 435 đội viên và nhi đồng
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Bùi Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng	0814592222	Hang0578@gmail.com
2	Nguyễn Thị Phương	Phó hiệu trưởng	0989091523	quacthuphuong.html2@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào

tạo: Tổng số 30 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	01	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	8	
2	Giáo viên TH hạng III	17	

Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện, Thiết bị	0	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	0	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 03 điểm trường lẻ

- Trung tâm có diện tích là 5715,2m²/381 học sinh, trung bình đạt 15m²/học sinh.

- Điểm trường Na Sang có diện tích là 1374 m²/28 học sinh, trung bình đạt 49,1m²/học sinh

- Điểm trường Huổi Hua có diện tích là 952 m²/26 học sinh, trung bình đạt 36,6 m²/học sinh

- Điểm trường Tin Lán có diện tích là 1582 m² năm học 2025 – 2026 số sinh ít nhà trường không mở lớp.

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Các hạng mục công trình	Thời điểm 30 tháng 9 năm 2025						Quy định tại Thông tư 13/2020/TT- BGDDT	
		Số lượng	Diện tích	Bình quân/HS	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Khối phòng học tập	20			17	2	1		
1.1	Phòng học	17	705,4	1,62	15	2	0	1,5m2/hs	40m2/phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	46,3	1,45	1	0	0	1,85 m2/hs	60m2/phòng
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	1,85 m2/hs	60m2/phòng
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	0	0	0	0	0	0	1,85 m2/hs	60m2/phòng
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	46,3	1,45	1	0	0	1,5 m2/hs	50m2/phòng
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	0	1,5 m2/hs	50m2/phòng
1.7	Phòng đa chức năng	1	80	2,5	0	0	1	1,5 m2/hs	50m2/phòng
2	Khối phòng hỗ trợ học tập	3			3				
2.1	Thư viện	1	43,5	1,35	1	0	0	0,6m2/hs	54m2/phòng
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	43,5	1,35	1	0	0	0	48m2/phòng

2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	24 m2/phòng
2.4	Phòng Đoàn, Đội	1	30,3	0,06	1	0	0	0,03m2/hs
2.5	Phòng truyền thông	0	0	0	0	0	0	48 m2/phòng
3	Khối phụ trợ	9			2	4	3	
3.1	Phòng họp	1	34	1,1	1			1,2 m2/người
3.2	Phòng y tế trường học	1	16	0	1	0	0	24 m2/phòng
3.3	Nhà kho	1	20	0	0	0	1	48 m2/phòng
3.4	Khu để xe học sinh	2	70	0,8	0	0	2	0,90m ² /xe đạp
3.5	Khu vệ sinh học sinh	4	101,6	0,23	0	4	0	0,06 m2/HS
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	0	0	0	0	0	0	12 m2/phòng
3.7	Phòng giáo viên	0	0	0	0	0	0	4m2/GV
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao	5			1	4		
4.1	Sân trường	4	3500	8,04	1	3	0	1,5m2/HS

4.2	Sân thể dục thể thao	1	350	0,8	0	1	0	0,35m2/HS	350 m2
4.3	Nhà đa năng	0	0	0	0	0	0	450m2/nhà	
4.4	Bể bơi	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Khối phục vụ sinh hoạt	6			4	1	1		
5.1	Nhà bếp	1	29,4	0,07	0	1	0	0,3m2/HS	
5.2	Kho bếp	1	8	0	0		1	0	10m ² /kho thực phẩm; 12m2/kho lương thực
5.3	Nhà ăn	0	0	0	0	0	0	0,75m2/HS	
5.4	Phòng ở nội trú	2	75,2	0,88	2	0	0	4m2/chỗ	
5.5	Phòng quản lý học sinh	1	12	0	1	0	0	9m2/phòng	
5.6	Phòng sinh hoạt chung	0	0	0	0	0	0	0,2m2/HS	36m2/phòng
5.7	Nhà văn hóa	0	0	0	0	0	0	0,8m2/HS	

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội. Các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, Phòng Tin học có tổng số 24 máy tính. Phòng tin học được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học, đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh có hoàn cảnh khó khăn không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường xây dựng Kế hoạch Quản lý chất lượng giáo dục theo năm học; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; thành lập tổ tự đánh giá và tổ giám sát tự đánh giá, cuối năm học căn cứ kế hoạch và kết quả tự đánh giá, nhà trường xây dựng báo cáo kết quả tự đánh giá với các tiêu chí kiểm định, năm 2025 nhà trường duy trì kiểm định chất lượng Cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục nhà trường:

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 36/KH THNN ngày 03/9/2025 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh năm học 2025 -2026; Kết quả đánh giá học sinh năm học 2024- 2025

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ238/2025; TT/42/2013)					Học sinh bán trú
						Tổng	Thôn bản KK	Mồ côi	Hộ nghèo	Khuyết tật	
1	4	82	30	59	24	31	29		1	1	7
2	4	80	40	67	34	35	34	0	1	0	7
3	3	96	52	81	42	40	37	0	3	0	26
4	3	95	47	78	38	33	30	1	2	0	21
5	3	82	45	72	40	33	31	0	2	0	24
Tổng	17	435	214	357	178	172	161	1	9	1	85

Có 435/435HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

Số lượng học sinh chuyên trường: 09 em

Số lượng học sinh tiếp nhận: 25 em

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Hoàn thành chương trình lớp học: 333/338 em đạt 98,5 %

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 66/66 em, tỷ lệ 100%.

- Học sinh Xuất sắc: 72 em, đạt 17,8%; HS Tiêu biểu; HHT: 87 em = 21,5%.

* Kết quả các cuộc thi giao lưu HS:

- Tiếng Anh IOE:

+ Cấp huyện: 01 giải Nhì, 04 giải Ba, 10 giải Khuyến khích.

+ Cấp tỉnh: 04 giải Nhì, 02 giải Ba, 08 giải Khuyến khích.

+ 02 học sinh vào vòng quốc gia và được công nhận hoàn thành tốt.

- Thi Toán tiếng Việt cấp huyện: 01 Nhất, 02 Nhì, 04 Ba, 27 Khuyến khích.

- VioEdu: cấp huyện có 15 HS hoàn thành xuất sắc, 14 HS hoàn thành tốt; cấp tỉnh có 02 HS đạt kết quả cao.

- Viết chữ đẹp cấp trường: 41 học sinh.

- Thể thao:

+ HS cấp huyện: 01 Nhất, 01 Nhì, 05 Ba.

+ HS cấp tỉnh: 02 giải Ba.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026:

- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: **172** học sinh (Trong đó 1 HS mồ côi, 01HS khuyết tật, 9 HS hộ nghèo, 161 HS ở thôn bản khó khăn)

- Học bổng học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLĐXH-BTC: **0**.

- Học bổng học sinh dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017: **0**.

- Hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ và học sinh hưởng chính sách: **85** học sinh.

- Học sinh được hưởng hỗ trợ từ Quỹ trẻ nghèo vùng cao: 328 học sinh

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 96 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Chiếc ô tô mơ ước, Đan Mạch trong mắt em”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.
- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 54
- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.
- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.
- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.
- + Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh tích cực phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 16 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 01 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Vận động xã hội hóa giáo dục tu sửa cơ sở vật chất, sơn lại dãy phòng nội trú, phòng âm nhạc, khu cổng trường, điểm trường Huổi Hua, Na Sang.

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo công khai đầu năm năm học 2025-2026 của Trường TH Núa Ngam./.

Nơi nhận:

- UBND xã;
 - Phòng VH-XH;
 - Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Hằng